

Bản án số: 191/2021/DS-PT

Ngày 14 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Tô Chánh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 369/2021/QĐPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông Trương Văn M, sinh năm 1950.

Cư trú: Ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Ông Trương Văn H, sinh năm 1956, vắng mặt.

Cư trú: 4 TennysonDr, Delahey Vic 3037, Australia.

1.3. Bà Trương Thị T, sinh năm 1949.

Cư trú: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau

1.4. Bà Trương Thị B, sinh năm 1946

Cư trú: Ấp 2, xã L, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H, bà Tám, bà Bảy: Ông Trương Văn M, sinh năm 1950, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Ông Ngô Đức B và bà Quách Ngọc L là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H1, sinh năm 1954, vắng mặt.

Cư trú: Ấp N, xã P, huyện B, tỉnh, thành Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Cao Minh T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Trí Phú Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B, xin xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Sử Hữu K, vắng mặt.

3.3. Anh Sử Tuấn Nhã, vắng mặt.

3.4. Anh Sử Hoàng A, vắng mặt.

3.5. Chị Sử Thị Y, vắng mặt.

3.6. Bà Lê thị L, vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

3.7. Anh Lê Văn L, vắng mặt.

3.8. Anh Lê Văn T, vắng mặt.

3.9. Anh Lê Văn V, vắng mặt.

3.10. Chị Lê Thị H, vắng mặt.

3.11. Anh Lê Văn N, vắng mặt.

3.12. Bà Lý Thị L, vắng mặt.

Cùng cư trú: Ấp 5B, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

3.13. Chị Nguyễn Thị L1, vắng mặt.

Cư trú: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

3.14. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cà Mau: Ông Lê Chí T, chức vụ Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cà Mau.

4. Người kháng cáo: Ông Trương Văn M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông tên Trương Văn P và Võ Thị B tạo lập khoảng từ năm 1959 đến năm 1960 với diện tích 35 công tầm lớn, tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Thời điểm đó các anh chị em ông đều

tham gia cách mạng, còn ông thì đi bộ đội nên phần đất trên do người em ông là Trương Văn H quản lý sử dụng. Đến năm 1981, ông Trương Văn H vượt biên ra nước ngoài, anh chị em ông chưa kịp về để quản lý phần đất thì lúc này Nhà nước tạm quản lý và đưa vào tập đoàn sản xuất. Sau đó đã lấy đất tạm giao cho 08 hộ dân không có đất sản xuất trong đó có hộ ông Lê Văn H1 để họ sản xuất ổn định cuộc sống.

Năm 1985 khi giải thể tập đoàn, Nhà nước có chủ trương đất ai trả về cho người đó. Nên ông M yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P giải quyết trả lại phần đất và được Ủy ban xã P trả lại cho gia đình ông 16 công tầm lớn, ông M được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2004 với diện tích 21.307m², thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 269 và thửa 248 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Phần đất còn lại khoảng 19,5 công tầm lớn chưa được Nhà nước giao trả lại do đã tạm giao cho 08 hộ dân quản lý, sử dụng gồm các hộ tên: bà Nguyễn Thị Đ, bà Lâm Bạch M, ông Lương Văn C, ông Lê Văn H1, bà Hồng Thị Đ, bà Trần Hồng G, bà Dương Thị C, bà Trần Thị C. Năm 1996, ông M tiếp tục làm đơn yêu cầu giải quyết trả lại phần đất 19,5 công tầm lớn nêu trên thì được Ủy ban nhân dân xã P mời 08 hộ dân đến để hòa giải nhưng chỉ có 04 hộ đồng ý giao trả lại đất cho gia đình ông với điều kiện khi nào Nhà nước có văn bản thu hồi thì họ mới giao trả. Thời điểm này chỉ có hộ ông Nguyễn Tấn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 07 hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông M và các anh chị em ông yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn H1 trả lại diện tích đất 2.592m² theo đo đạc thực tế 2.612,3m² thuộc thửa 423 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn ông Lê Văn H1 trình bày:* Phần đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho gia đình ông năm nào ông không nhớ, diện tích đất khoảng 02 công tầm lớn (chiều ngang 48m, dài 54 m) đất tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Ông H1 sử dụng một thời gian thì cầm cố cho ông Sử Hữu V, hai bên có làm hợp đồng cầm cố với số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó, ông V giao lại cho con ông V canh tác và con ông V cho chị Nguyễn Thị L1 thuê lại. Phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L đứng tên. Hiện nay ông H1 đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền tại ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện B để vay 60.000.000 đồng. Nếu nguyên đơn giao lại ông 01 lượng vàng 24k và 60.000.000 đồng để chuộc lại đất và trả ngân hàng thì ông đồng ý trả lại đất cho ông M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:* Ngày 06/02/2008, bà và ông Sử Hữu V (tên gọi khác Bảy V) có nhận cầm cố của ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L phần đất diện tích 02 công, tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau giá cầm cố 10 chỉ vàng 24K; thời hạn cầm cố đến năm 2017, hai bên có làm giấy cô đất. Đến nay đã hết thời hạn cầm cố nhưng ông H1 chưa chuộc lại đất. Phần đất này hiện nay bà cho chị Nguyễn Thị L1 thuê nuôi trồng thủy sản, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập hợp đồng, tiền thuê chị L1 trả hàng năm. Bà L yêu cầu ông H1 trả lại 10 chỉ vàng 24K, bà trả lại đất cho ông H1.

- Theo đơn yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 29/10/2008, ông Lê Văn H1 vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền 12.000.000 đồng; mục đích vay để nuôi cá, trồng lúa; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 22/10/2010. Ông H1 có thể chấp 01 quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn H1 và Lý Thị L do UBND huyện B cấp ngày 17/5/2000 thửa đất 366 diện tích đất 2.600m² đất. Dư nợ đến ngày 25/6/2020 là 11.500.000 đồng. Số tiền lãi tính đến ngày 25/6/2020 là 28.424.194 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 39.924.194 đồng.

Ngân hàng yêu cầu hộ ông H1 thanh toán nợ gốc và lãi vay theo hợp đồng đã ký, nếu không thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo pháp luật hiện hành.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Vợ chồng ông Sử Hữu V có cho chị thuê phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 02 công, tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản hợp đồng; thỏa thuận giá thuê mỗi năm bằng 2.500.000 đồng, tiền thuê đất trả vào đầu vụ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị giao đất thì chị đồng ý giao lại đất cho gia đình ông V, ông H1, ông M; chị không yêu cầu gì đối với ông V, ông H1, ông M và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đối với chị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DSST Ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 36, Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M, ông Trương Văn H, bà Trương Thị B và bà Trương Thị T về việc đòi ông Lê Văn H1 trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.612,3m², đất tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vị trí, ranh giới, kích thước; Phía đông giáp đất Trần Hồng Gương, cạnh M2M3 = 50,82m; phía tây giáp đất Trương Văn M và đất Nguyễn Văn Thêm, cạnh M1M5M4 = 49,44m; phía nam giáp đất Trương Văn Phường và đất Lê Văn Bốc, cạnh M3M4 = 50,70m; phía bắc giáp phần đất ông M đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị Điều, cạnh M1M2 = 54,54m. Phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2000 cho ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L đứng tên.

2. Tuyên bố hợp đồng cầm cố đất giữa ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L với ông Sử Hữu V và bà Lê Thị L được xác lập theo Giấy cổ đất ngày 06/02/2008 vô hiệu.

Buộc ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L trả lại cho bà Lê Thị L, anh Sử Hữu K, anh Sử Tuấn N, anh Sử Hoàng A và chị Sử Thị Y 10 chỉ vàng 24K.

Buộc bà Lê thị L, anh Sử Hữu K, anh Sử Tuấn Nhã, anh Sử Hoàng A, chị Sử Thị Y và chị Nguyễn Thị L1 trả lại cho ông H1 và bà Lê diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.612,3m², đất tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vị trí, ranh giới, kích thước; Phía đông giáp đất Trần Hồng Gương, cạnh M2M3 = 50,82m; phía tây giáp đất Trương Văn M và đất Nguyễn Văn Th, cạnh M1M5M4 = 49,44m; phía nam giáp đất Trương Văn P và đất Lê Văn B, cạnh M3M4 = 50,70m; phía bắc giáp phần đất ông M đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị Đ, cạnh M1M2 = 54,54m. (Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 23/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

3. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng ông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/6/2020 là 39.924.194 đồng (trong đó nợ gốc 11.500.000 đồng, nợ lãi 28.242.194 đồng). Phần lãi phát sinh từ ngày 26/6/2020 trở về sau, ông H1 và bà Lê có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng vay ngày 29/10/2008.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2020, Nguyên đơn ông M có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông H1 và bà Lê có trách nhiệm trả lại cho ông M diện tích đo đạc thực tế là 2.612,3m² đất thuộc thửa 423 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau do ông H1 kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn ông Trương Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đòi ông H1 trả lại 2.612,3m² đất thuộc thửa 423 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau vì nguồn gốc đất là của cha mẹ ông M tạo lập giao cho ông H quản lý sử dụng; năm 1980 ông H đi vượt biên bỏ lại đất, anh em ông M chưa kịp về quản lý đất thì Nhà nước quản lý tạm giao cho 08 hộ sử dụng, trong đó có ông H1 (có xác nhận của ông Lê Đ). Đến năm 1985 giải thể tập đoàn, Nhà nước có chủ trương trả lại đất cho chủ cũ; cùng năm 1985, ông M về xin lại đất và được xem xét trả lại 16 công, ông M đã được cấp quyền sử dụng đất. Đến năm 1996, ông M tiếp tục làm đơn yêu cầu xin phần đất còn lại nhưng chưa được giải quyết nên tranh chấp kéo dài. Trong số các hộ nhận đất, có bà Trần Hồng G có di chúc để lại phần đất của bà cho ba người cháu, ba người cháu này cũng thống nhất trả lại đất cho ông M.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông M đề áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm buộc ông H1 giao trả cho ông M thửa đất 423 diện tích 2.612,3m² đất.

- Bị đơn ông Lê Văn H1 vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Mười. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn M trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn ông Lê Văn H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Trương Văn M đòi ông H1 trả lại diện tích trả lại diện tích đất 2.728m² đất thuộc thửa 423 tờ bản đồ số 20 theo đo đạc thực tế 2.612,3m² đất trồng lúa tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau do ông Lê Văn H1 đứng tên kê khai trong sổ mục kê tại Quyển 2 của xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau thành lập năm 2003. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn khai nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Trương Văn P và cụ Võ Thị B tạo lập từ năm 1959 đến năm 1960. Do gia đình ông M tham gia cách mạng nên cha mẹ ông là cụ Phương và cụ Ba để cho em ruột của ông là ông Trương Văn H quản lý sử dụng. Đến năm 1981, ông Trương Văn H vượt biên ra nước ngoài, để lại phần đất nêu trên nhưng anh chị em ông chưa kịp về để quản lý phần đất thì lúc này Nhà nước tạm quản lý đưa vào tập đoàn sản xuất. Sau đó đã lấy phần đất này tạm giao cho 08 hộ dân, trong đó có hộ ông Lê Văn H1, vì cho rằng các hộ này không có đất nên tạm giao để họ sản xuất ổn định cuộc sống thời điểm đó. Năm 1985, khi giải thể tập đoàn Nhà nước có chủ trương đất ai trả về cho người đó. Ông về yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P xin lại phần đất này, Ủy ban nhân dân xã P trả lại cho gia đình ông diện tích đất 16 công tầm lớn và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2004 đứng tên Trương Văn M và Đặng Thị Hương với diện tích 21.307m², thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 260 và thửa 248 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau. Phần đất còn lại có diện tích khoảng 19,5 công tầm lớn gia đình ông chưa được Nhà nước giao trả lại do hiện tại phần đất này Nhà nước tạm giao cho 08 hộ dân quản lý, sử dụng gồm các hộ tên: bà Nguyễn Thị Đ, bà Lâm Bạch M, ông Lương Văn C, ông Lê Văn H1, bà Hồng Thị Đ, bà Trần Hồng G, bà Dương Thị C, bà Trần Thị C. Năm 1996, ông tiếp tục làm đơn yêu cầu giải quyết trả lại phần đất 19,5 công tầm lớn nêu trên thì được Ủy ban nhân dân xã P mời 08 hộ dân đến để hòa giải nhưng chỉ có 04 hộ đồng ý giao trả lại đất cho gia đình ông với điều kiện khi nào Nhà nước có văn bản thu hồi thì họ mới giao trả. Thời điểm này chỉ có hộ ông Nguyễn Tấn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 07 hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ ông Lê Văn H1.

Bị đơn ông Lê Văn H1 thì cho rằng phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông thừa đất số 366 tờ bản đồ số 13 diện tích 2.600m² đất trồng lúa tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành N 620713 do UBND huyện B cấp ngày 17/5/2000 cho hộ gia đình ông Lê Văn H1 và bà Lý Thị L. Hiện nay ông đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện B để vay tiền.

Trích đo hiện trạng (BL số 137) ngày 23/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật-Công nghệ quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau đã xác định phần đất tranh chấp giữa ông Trương Văn M với bị đơn ông Lê Văn H1 có diện tích 2.612.3m² đất thuộc thửa 01 tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Tại văn bản số 2899/UBND ngày 18/11/2019 (BL số 201) Ủy ban nhân dân huyện B xác định ông Lê Văn H1 kê khai đăng ký tại thửa đất số 423 tờ bản đồ số 20 diện tích 2.728m² đất theo bản đồ địa chính và sổ mục kê thành lập năm 2003 hiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B và tại biên bản làm việc ngày 21/6/2019 Ủy ban nhân dân xã P có ý kiến về phần đất tranh chấp đã được ông Lê Văn H1 sử dụng tại thửa 423 diện tích 2.780m² đất người đứng tên Lê Văn H1 (BL số 136).

Mặt khác, tại văn bản số 349/CV-CN.VPĐKĐĐ ngày 09/12/2019 (BL số 194) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Cà Mau có ý kiến: Không có cơ sở để xác định diện tích 2.600m² thửa đất số 366 tờ bản đồ số 13 và diện tích 2.590m² đất thuộc thửa 423 tờ bản đồ số 20 là cùng một thửa đất.

Xét thấy cần phải thu thập chứng cứ làm rõ thửa đất số 423 và thửa đất 366 có phải cùng một vị trí hay không? Diện tích đất tranh chấp giữa ông M và ông H1 có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa? Vì sao Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại bản án sơ thẩm đã nhận định phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2000 cho hộ gia đình ông Lê Văn H1 bà Lý Thị L. Do đó hủy bản án sơ thẩm chuyên hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Liên sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DSST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**